3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department

T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director

P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division

Lương Đình Kháng

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*	Mã số / *Code*	Số hộ chiếu / *Passport N°*
P	VNM	C3300556

Họ và tên / *Full name*
DƯƠNG VĂN HUY

Quốc tịch / *Nationality* — VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth* — 10 / 08 / 1999

Nơi sinh / *Place of birth* — HÀ NỘI

Giới tính / *Sex* — NAM / M

Số GCMND / *ID card N°* — 001099018501

Ngày cấp / *Date of issue* — 01 / 08 / 2017

Có giá trị đến / *Date of expiry* — 01 / 08 / 2027

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMDUONG<<VAN<HUY<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C3300556<4VNM9908109M2708012001099018501<<42

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR

上陸許可
LANDING PERMISSION

在留期間 Date of permit: 26 DEC 2017
在留資格 Status: 技能実習1号ロ Technical intern training (I)(b)
在留期間 Duration: One year
NARITA(2)

1606550252
KHYY7623626
EG542956 93FA

JAPAN VISA
日本国査証

EB0641925

Place of Issue: HANOI
Date of Issue: 06 DEC 17
Date of expiry: 06 MAR 18
No.of entries: SINGLE
Issue No.: 17B62326
For stay(s) of: 1 YEAR
Category: (G) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)
Surname/Given name: DUONG VAN HUY
Passport No.: C3300556
Sex: M
Date of birth: 10 AUG 99
Nationality: VNM
No. of applicants
Remarks
TBY17-023625

V<JPNDUONG<<VAN<HUY<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C3300556<4VNM9908109M180306817B62326620A<G07